

Ngày	<b>19,700 VNĐ</b>		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.5%	32.7%	31.3%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	12,278 - 21,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	244
Số lượng CPLH (CP)	12,392,630
KLGD BQ 20 phiên (CP)	89,515
Sở hữu nước ngoài	6.1%
Beta	0.94
EPS	2,120
P/E	9.3

**DT thuần**  
Q1/24

**40.8**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼25.0| -38.1%  
YoY: ▲ 16.3| 66.3%

**LN trước thuế**  
Q1/24

**6.01**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.29| -46.8%  
YoY: ▲ 2.62| 77.2%

**LN sau thuế**  
Q1/24

**4.76**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼4.28| -47.3%  
YoY: ▲ 2.08| 77.7%

**ROA**  
2023

**9.9%**

+/- YoY: ▲ 1.0%

**DT thuần**  
2023

**180**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼3.00| -1.7%

**LN trước thuế**  
2023

**30.8**  
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 4.30| 16.1%

**LN sau thuế**  
2023

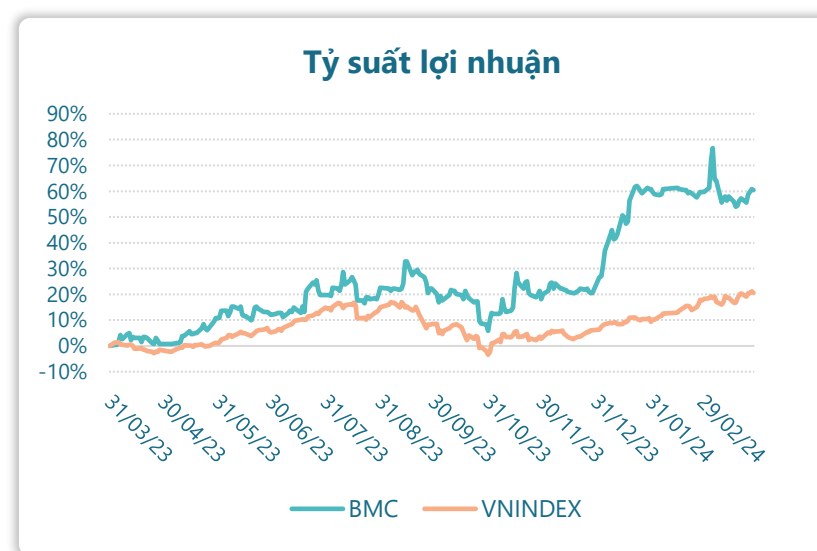
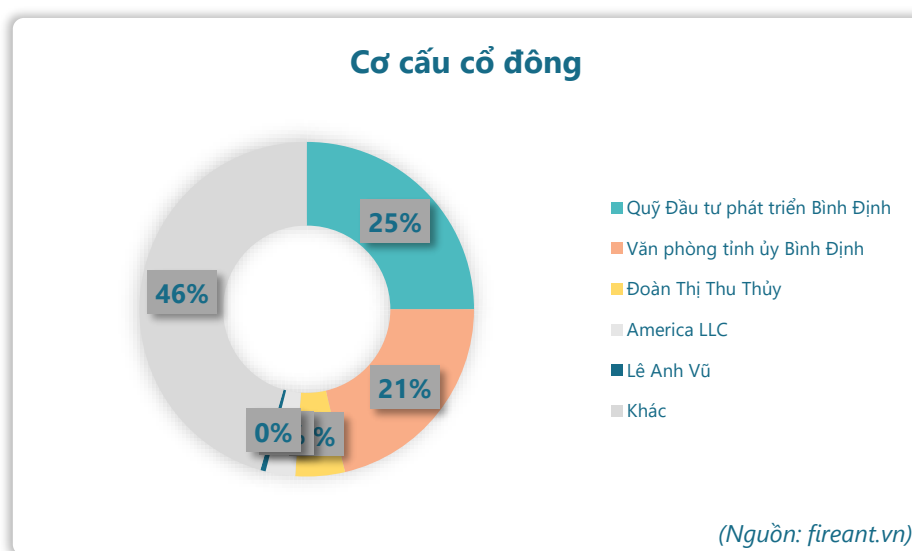
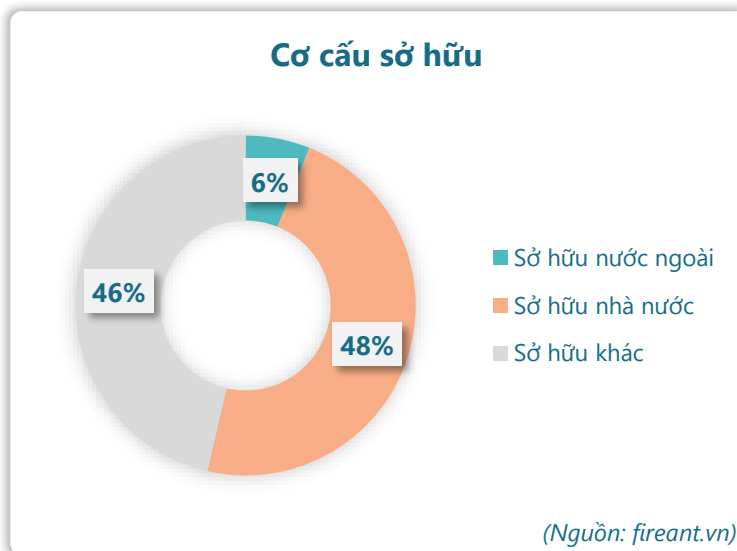
**24.2**  
tỷ VNĐ

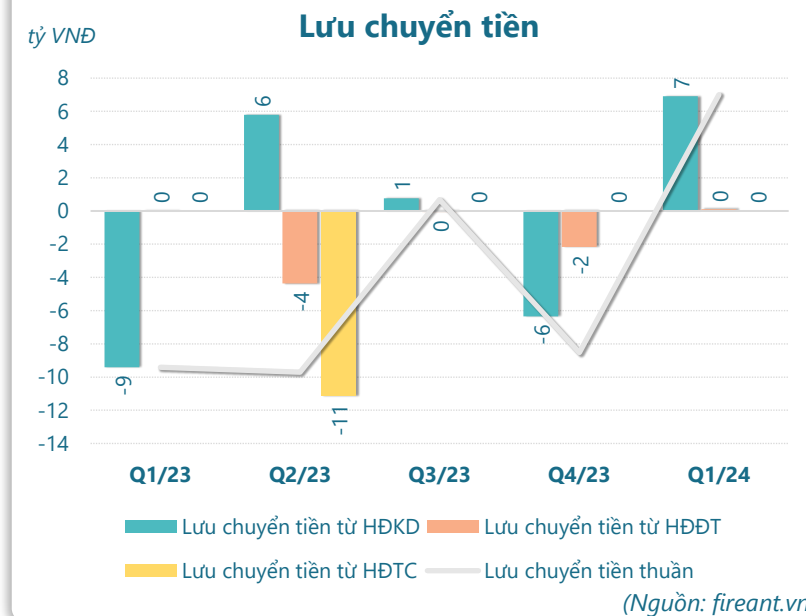
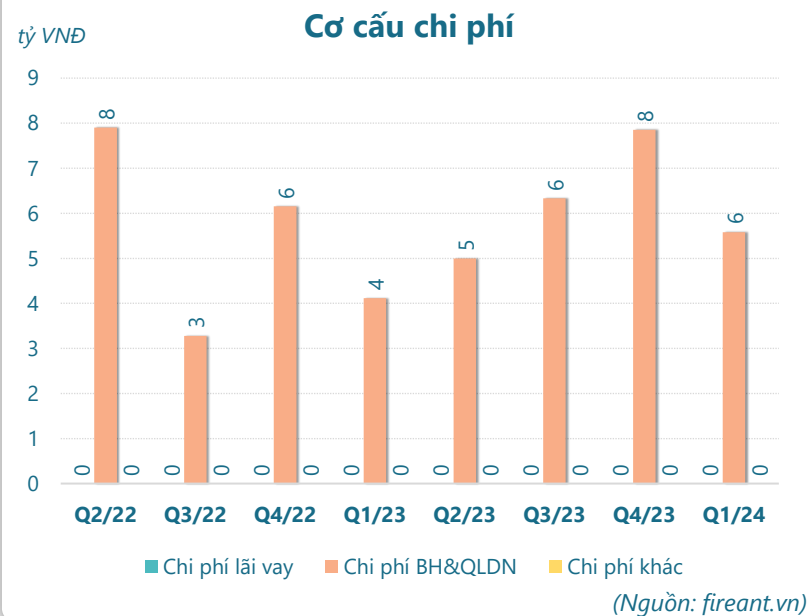
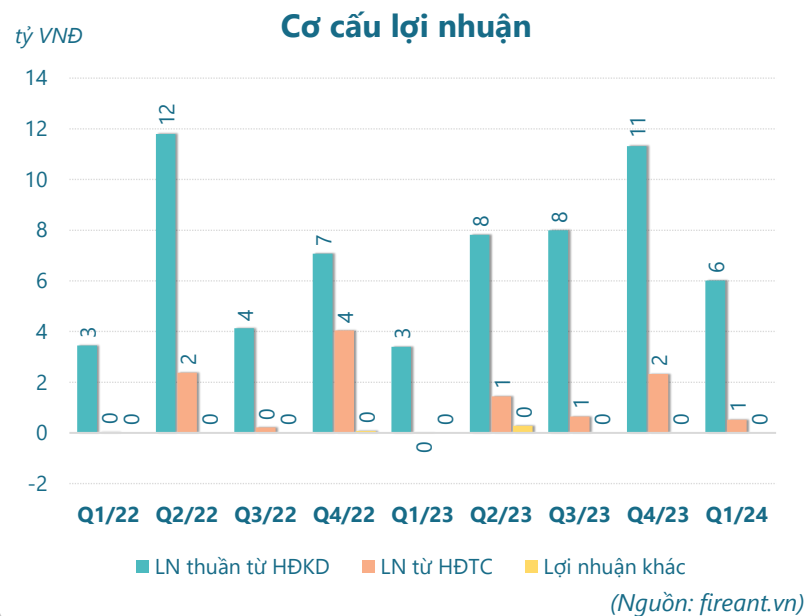
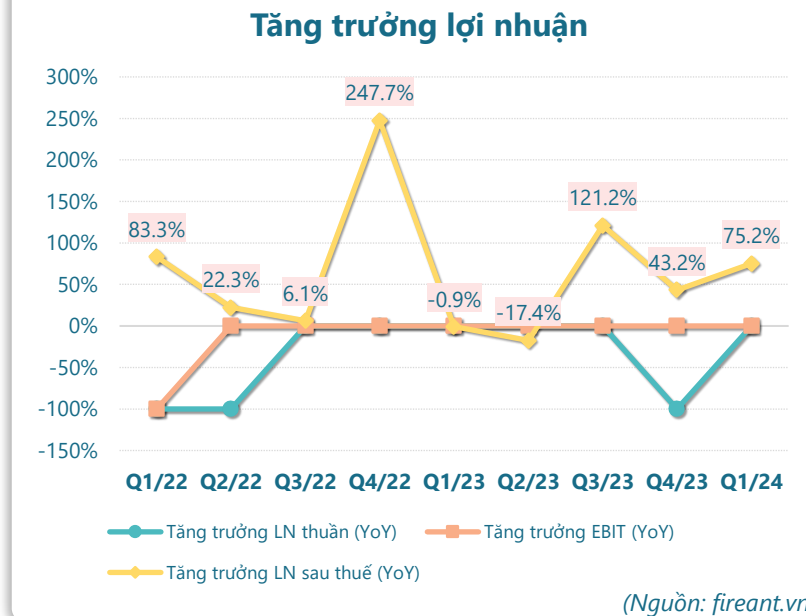
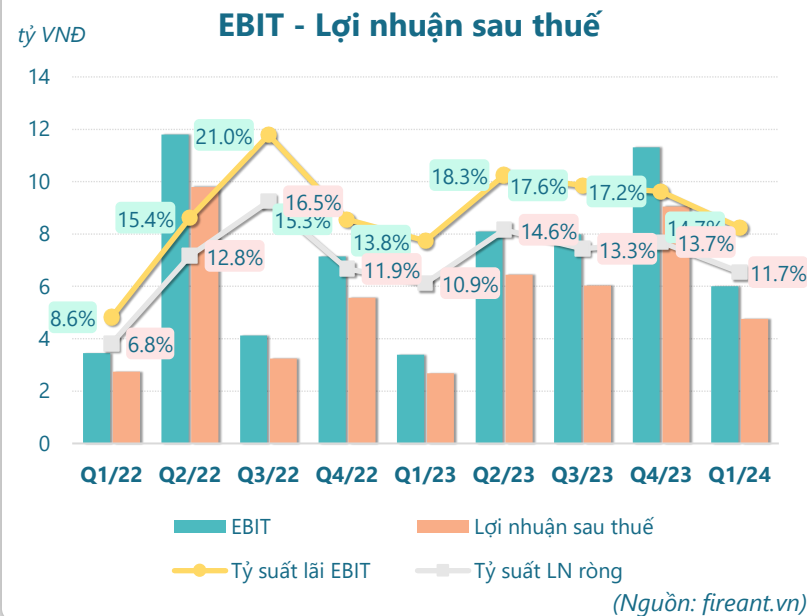
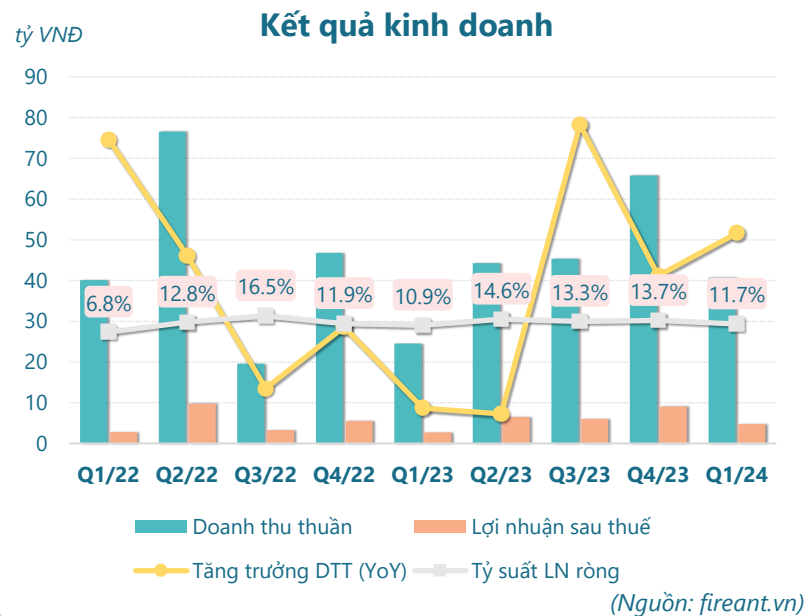
YoY: ▲ 2.90| 13.4%

**ROE**  
2023

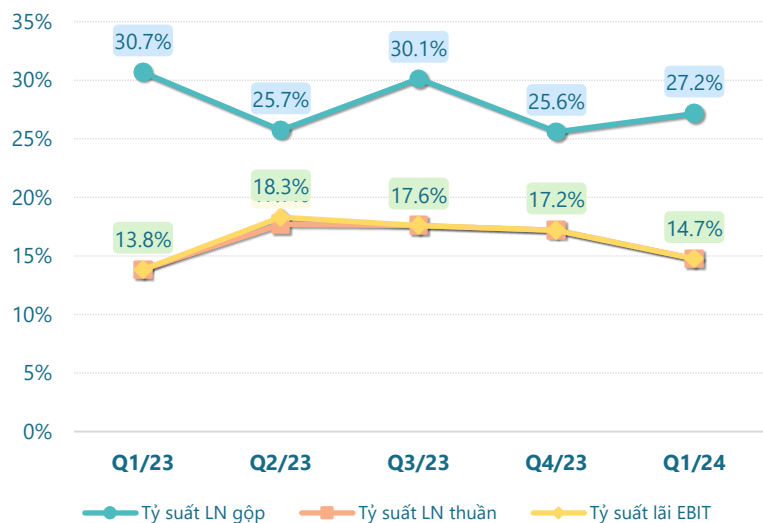
**10.9%**

+/- YoY: ▲ 0.8%



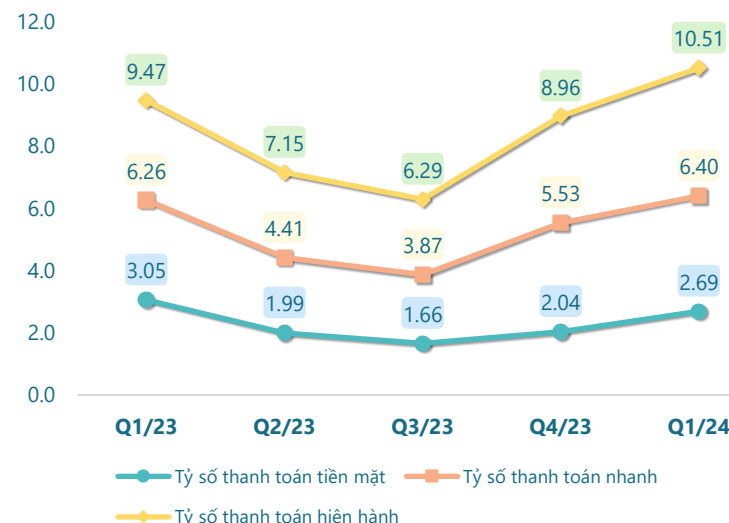


### Tỷ suất lợi nhuận



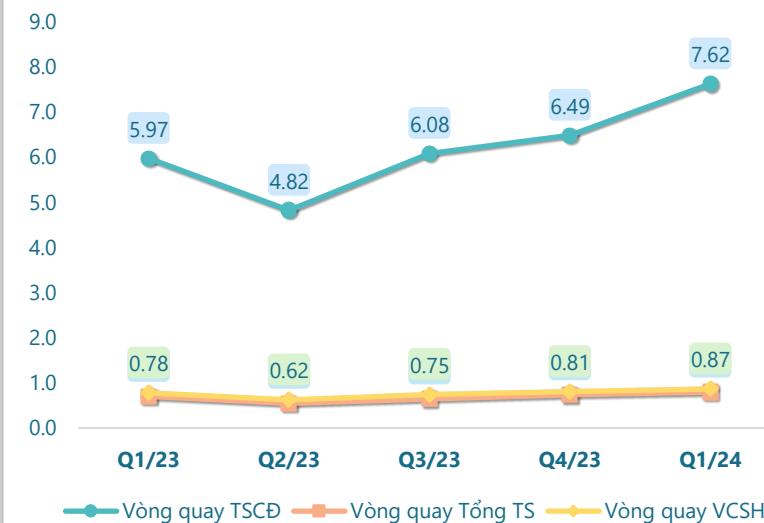
(Nguồn: fireant.vn)

### Chỉ số thanh khoản



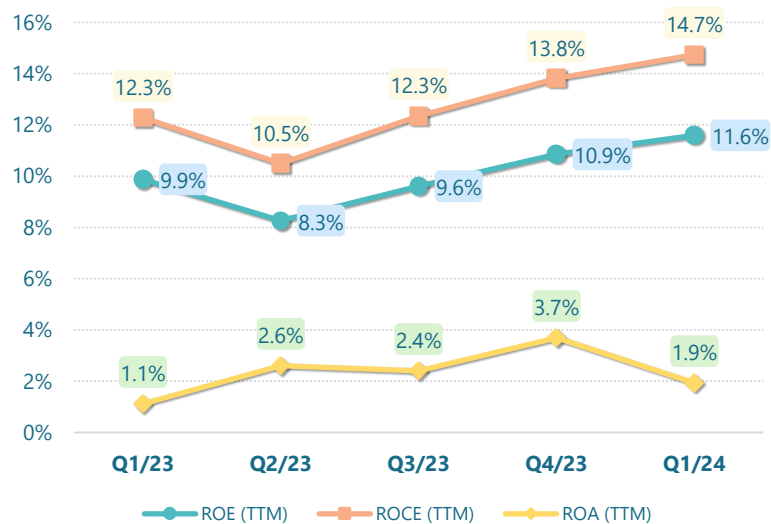
(Nguồn: fireant.vn)

### Vòng quay tài sản



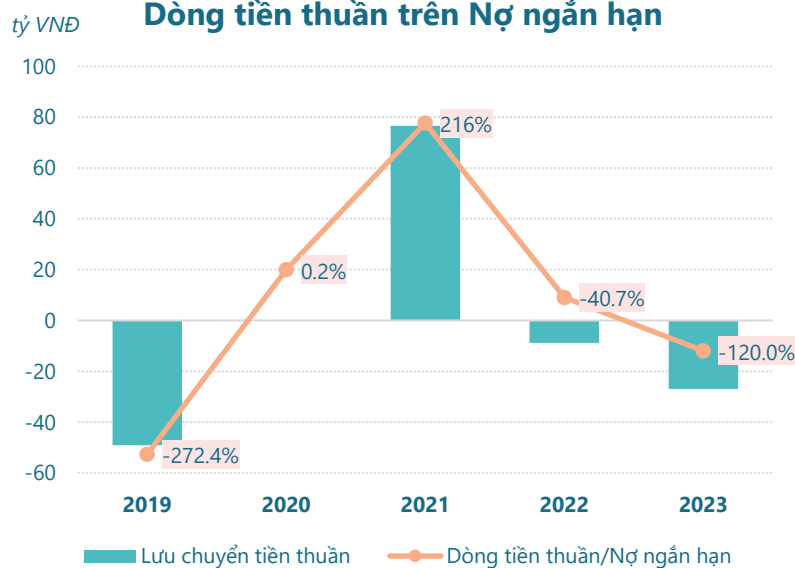
(Nguồn: fireant.vn)

### Tỷ suất sinh lợi



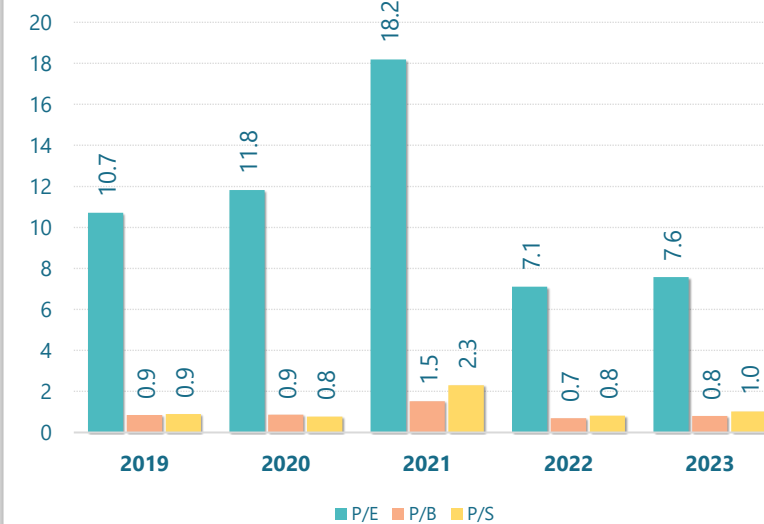
(Nguồn: fireant.vn)

### Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

### Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)